



Mã nhận dạng 02323

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật thực phẩm(207233)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD Bùi Ngọc Hùng

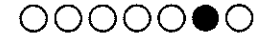
Ngày Thi 27/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC			7,8	9,5	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
2	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC			7,8	9,5	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
3	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC			9,3	9,5	8,5	9,0	0012345678910	0123456789
4	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC			8,3	9,5	7,5	8,3	0012345678910	0123456789
5	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC			7,5	10,0	7,0	8,0	0012345678910	0123456789
6	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC			7,8	9,5	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
7	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC			8,5	9,5	6,0	7,6	0012345678910	0123456789
8	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC			7,5	9,5	7,0	7,9	0012345678910	0123456789
9	19118026	Đinh Ngọc Cường	DH19CC			8,0	9,5	6,5	7,7	0012345678910	0123456789
10	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC			9,0	10,0	8,0	8,8	0012345678910	0123456789
11	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC			7,5	9,5	6,0	7,4	0012345678910	0123456789
12	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC			5,0	9,5	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
13	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC			8,3	9,5	8,0	8,5	0012345678910	0123456789
14	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC			7,8	9,5	6,5	7,7	0012345678910	0123456789
15	19118039	Bùi Ngọc Diệp	DH19CC			7,5	9,5	7,0	7,9	0012345678910	0123456789
16	19118041	K' Đông	DH19CC			9,5	9,5	7,5	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02323

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật thực phẩm(207233)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD Bùi Ngọc Hùng

Ngày Thi 27/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV302

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			9,5	10,0	9,0	9,4	0012345678910	0123456789
18	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC			8,0	9,5	6,0	7,5	0012345678910	0123456789
19	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			9,5	10,0	7,5	8,2	0012345678910	0123456789
20	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC			8,0	9,5	6,0	7,5	0012345678910	0123456789
21	19118079	Trần Lê Phúc	DH19CC			8,3	10,0	8,5	8,9	0012345678910	0123456789
22	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC			7,8	9,5	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
23	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC			9,3	9,5	6,0	7,2	0012345678910	0123456789
24	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC			9,3	10,0	5,0	7,4	0012345678910	0123456789
25	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC			9,3	10,0	9,0	9,4	0012345678910	0123456789
26	19118105	Lý Nhất Khang	DH19CC			8,0	10,0	7,5	8,4	0012345678910	0123456789
27	19118107	Phạm Vĩnh Khang	DH19CC			8,3	9,5	6,5	7,8	0012345678910	0123456789
28	19118110	Lâm Hào Khôn	DH19CC			8,3	10,0	6,5	7,9	0012345678910	0123456789
29	19118135	Trần Hữu Luận	DH19CC			8,5	9,5	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
30	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC			9,5	7,5	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
31	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC			8,3	9,5	6,0	7,5	0012345678910	0123456789
32	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC			8,0	9,5	5,5	7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02323

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật thực phẩm(207233)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi

001_DH19CC_01

Tên CBGD

Bùi Ngọc Hùng

Ngày Thi 27/07/2022

Giờ Thi

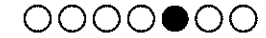
09:45

Phòng Thi

TV302

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC			8,5	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
34	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC			8,0	9,5	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
35	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC			7,8	9,5	5,0	6,9	0012345678910	0123456789
36	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			8,3	9,5	6,5	7,8	0012345678910	0123456789
37	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC			7,8	10,0	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
38	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC			8,5	9,5	6,0	7,6	0012345678910	0123456789
39	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC			8,0	9,5	6,5	7,7	0012345678910	0123456789
40	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC			8,3	10,0	9,0	9,2	0012345678910	0123456789
41	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC			7,8	9,5	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
42	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiền	DH17CC			7,3	7,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
43	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC			7,8	9,5	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
44	19118251	Trần Thị Thiên Trang	DH19CC			8,0	9,5	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
45	19118250	Huỳnh Trần Bảo Trân	DH19CC			7,8	10,0	7,5	8,3	0012345678910	0123456789
46	19118262	Thái Văn Trường	DH19CC			9,5	10,0	9,0	9,4	0012345678910	0123456789
47	19118269	Trần Nguyễn Đức Tuấn	DH19CC			8,0	9,0	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
48	19118279	Bùi Bá Vũ	DH19CC			7,8	9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02323

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật thực phẩm(207233)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi

001_DH19CC_01

Tên CBGD

Bùi Ngọc Hùng

Ngày Thi 27/07/2022

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV302

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118285	Phạm Huỳnh Phúc Yên	DH19CC			8,0	9,5	9,0	9,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 49 Số sinh viên vắng 00.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Minh Khuê

Vũ Huy Thịnh

TS. Nguyễn Đức Khuyến

BUI NGOC HUNG



Mã nhận dạng 02324

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật thực phẩm(207233)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 001_DH19CC_02

Tên CBGD

Bùi Ngọc Hùng

Ngày Thi 27/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC	Anh		7,5	9,5	6,5	7,6	0012345678910	0123456789
2	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC	An		7,8	9,0	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
3	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC	Ca		8,0	9,5	7,5	8,2	0012345678910	0123456789
4	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC	Chiến		7,5	10,0	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
5	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC	Dung		7,8	10,0	7,5	8,3	0012345678910	0123456789
6	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC	Nung		7,8	9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
7	19118051	Phan Phúc Duy	DH19CC	Duy		7,5	9,5	4,0	6,4	0012345678910	0123456789
8	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC	Dao		7,5	10,0	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
9	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC	Ats		7,8	10,0	5,0	7,1	0012345678910	0123456789
10	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC	Ho		8,8	10,0	7,0	8,3	0012345678910	0123456789
11	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC	Ha		7,3	8,5	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
12	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC	Minh		8,8	10,0	8,0	8,8	0012345678910	0123456789
13	19118095	Nguyễn Quang Huy	DH19CC	Huy		7,3	9,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
14	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC	Tran		8,5	9,5	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
15	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC	Kha		8,0	10,0	8,0	8,6	0012345678910	0123456789
16	19118103	Mai Hoàng Khải	DH19CC	Khai		7,8	9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02324

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật thực phẩm(207233)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi

001_DH19CC_02

Tên CBGD

Bùi Ngọc Hùng

Ngày Thi 27/07/2022

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118116	Lâm Văn	La	DH19CC		7,5	8,5	6,0	7,1	0012345678910	0123456789
18	19118117	Nguyễn Trường	Lâm	DH19CC		7,3	9,5	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
19	19118122	Đinh Kỳ	Linh	DH19CC		8,8	10,0	8,0	8,8	0012345678910	0123456789
20	19118131	Lê Hoàng	Long	DH19CC		7,8	10,0	9,5	9,3	0012345678910	0123456789
21	19118133	Trần Hữu Khánh	Luân	DH19CC		8,0	10,0	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
22	19118134	Lý Kim	Luận	DH19CC		7,3	9,0	5,5	6,9	0012345678910	0123456789
23	19118139	Đinh Minh	Mẫn	DH19CC		7,5	9,5	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
24	19118145	Nguyễn Văn	Minh	DH19CC		8,5	9,5	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
25	19118150	Nguyễn Hoài	Nam	DH19CC		8,0	9,5	5,5	7,2	0012345678910	0123456789
26	19118159	Đinh Quang	Nguyên	DH19CC		7,8	7,5	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
27	19118160	Trần Bá	Nguyên	DH19CC		7,0	8,5	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
28	19118161	Lê Dương Thiện	Nhân	DH19CC						0012345678910	0123456789
29	19118164	Trần Thanh	Nhân	DH19CC		9,0	9,5	9,0	9,2	0012345678910	0123456789
30	19118170	Nguyễn Hoàng	Ninh	DH19CC		8,0	10,0	6,0	7,6	0012345678910	0123456789
31	19118173	Bùi Trung	Phong	DH19CC		7,5	10,0	7,5	8,3	0012345678910	0123456789
32	19118177	Nguyễn Trường	Phong	DH19CC		7,8	9,5	9,0	8,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02324

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật thực phẩm(207233)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi

001_DH19CC_02

Tên CBGD

Bùi Ngọc Hùng

Ngày Thi 27/07/2022

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118179	Nguyễn Lê Phú	DH19CC			9,0	9,5	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
34	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC			7,5	8,5	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
35	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC			7,8	9,5	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
36	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC			7,3	9,5	6,5	7,6	0012345678910	0123456789
37	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC			7,8	10,0	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
38	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC			7,8	10,0	7,0	8,1	0012345678910	0123456789
39	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC			7,8	9,5	6,0	7,4	0012345678910	0123456789
40	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC			7,5	9,5	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
41	19118243	Nguyễn Tấn Tịch	DH19CC			9,0	9,5	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
42	19118244	Nguyễn Phúc Toại	DH19CC			8,0	9,5	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
43	19118246	Nguyễn Văn Toàn	DH19CC			8,0	10,0	7,5	8,4	0012345678910	0123456789
44	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC						✓	0012345678910	0123456789
45	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC			9,0	10,0	9,0	9,3	0012345678910	0123456789
46	19118254	Huỳnh Như Trọng	DH19CC			8,0	9,5	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
47	19118258	Vũ Đình Trung	DH19CC			7,8	9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
48	19118260	Nguyễn Nhật Trường	DH19CC			8,0	9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02324

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật thực phẩm(207233)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 001_DH19CC_02

Tên CBGD Bùi Ngọc Hùng

Ngày Thi 27/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV202

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118263	Võ Văn Tư	DH19CC	Tư		8,0	9,5	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
50	19118278	Phan Văn Vĩnh	DH19CC	Vĩnh		7,5	9,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
51	19118280	Nguyễn Hoàng Vũ	DH19CC	Vũ		7,8	9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
52	19118284	Lâm Tuấn Vy	DH19CC	Vy		7,5	10,0	6,5	7,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 50 Số sinh viên vắng 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

BUI NGOC HUNG

Ngày in : 20/06/2022



Mã nhận dạng 02335

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật bảo quản nông sản thực phẩm(207 251)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **001_DH19CC_01**

Tên CBGD **Bùi Ngọc Hùng**

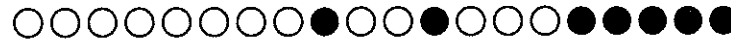
Ngày Thi **29/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC			7,9	7,5	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
2	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC			6,9	7,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
3	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC			6,8	7,0	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
4	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC			6,8	7,5	9,0	8,3	0012345678910	0123456789
5	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC			6,5	8,0	9,0	8,4	0012345678910	0123456789
6	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC			6,9	8,0	9,0	8,4	0012345678910	0123456789
7	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC			10,0	7,5	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
8	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC			6,5	7,0	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
9	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC			6,9	7,5	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
10	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC			6,5	7,5	9,0	8,3	0012345678910	0123456789
11	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC			9,0	7,5	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
12	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC			6,5	5,0	9,0	7,6	0012345678910	0123456789
13	19118041	K' Đông	DH19CC			7,0	7,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
14	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			7,9	7,0	9,5	8,6	0012345678910	0123456789
15	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC			6,9	6,5	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
16	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC			9,0	7,0	9,0	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02335

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật bảo quản nông sản thực phẩm**(207 251

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **001_DH19CC_01**

Tên CBGD **Bùi Ngọc Hùng**

Ngày Thi **29/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV201**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			6,8	7,5	9,0	8,3	0012345678910	0123456789
18	19118061	Lê Lý	DH19CC			9,0	6,5	9,0	8,4	0012345678910	0123456789
19	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC			6,9	7,0	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
20	19118079	Trần Lê Phúc	DH19CC			7,5	7,5	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
21	19118095	Nguyễn Quang Huy	DH19CC			6,4	8,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
22	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC			6,5	8,5	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
23	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC			6,9	8,0	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
24	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC			6,5	6,5	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
25	19118102	Nguyễn Văn Khả	DH19CC			6,9	7,5	9,5	8,6	0012345678910	0123456789
26	19118103	Mai Hoàng Khải	DH19CC			6,9	8,0	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
27	19118105	Lý Nhất Khang	DH19CC			6,7	7,5	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
28	19118110	Lâm Hào Khôn	DH19CC			7,0	8,5	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
29	19118116	Lâm Văn La	DH19CC			9,0	7,0	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
30	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC			6,9	8,0	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
31	19118122	Đinh Kỳ Linh	DH19CC			6,7	7,0	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
32	19118133	Trần Hữu Khánh	DH19CC			8,0	8,5	9,0	8,7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02335

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật bảo quản nông sản thực phẩm**(207251)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **001_DH19CC_01**

Tên CBGD **Bùi Ngọc Hùng**

Ngày Thi **29/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV201**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118134	Lý Kim	Luận	DH19CC	<i>Kim</i>	6,9	7,0	9,0	8,2	0012345678910	0123456789
34	19118135	Trần Hữu	Luận	DH19CC	<i>Hu</i>	9,0	7,5	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
35	19118145	Nguyễn Văn	Minh	DH19CC	<i>NV</i>	6,9	8,0	8,5	8,1	0012345678910	023456789
36	19118150	Nguyễn Hoài	Nam	DH19CC	<i>Nam</i>	6,2	8,5	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
37	19118160	Trần Bá	Nguyên	DH19CC	<i>Ba</i>	9,0	6,5	8,5	8,1	0012345678910	023456789
38	19118161	Lê Dương Thiện	Nhân	DH19CC	<i>Thien</i>				✓	0012345678910	0123456789
39	19118173	Bùi Trung	Phong	DH19CC	<i>Phong</i>	9,0	7,5	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
40	19118182	Lê Đình	Phước	DH19CC	<i>Phuoc</i>	6,9	7,0	9,5	8,5	0012345678910	0123456789
41	19118188	Bùi Nguyễn	Quang	DH19CC	<i>Quang</i>	9,0	8,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
42	19118186	Nguyễn Ngọc	Quân	DH19CC	<i>Quynh</i>	9,0	6,5	9,0	8,4	0012345678910	0123456789
43	19118195	Phạm Thành	Sang	DH19CC	<i>Thanh</i>	6,5	8,0	8,5	8,1	0012345678910	023456789
44	19118204	Phùng Quốc	Tấn	DH19CC	<i>Quoc</i>	6,5	8,0	9,5	8,7	0012345678910	0123456789
45	19118209	Nguyễn Thanh	Thắng	DH19CC	<i>Thang</i>	6,5	6,5	9,0	8,0	0012345678910	0123456789
46	19118211	Trần Danh	Thắng	DH19CC	<i>Danh</i>	7,0	7,5	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
47	19118224	Lâm Thanh	Thiện	DH19CC	<i>Thanh</i>	9,0	7,5	9,5	8,9	0012345678910	0123456789
48	19118236	Phạm Vũ Nhật	Tiến	DH19CC	<i>Pham</i>	9,0	7,5	8,5	8,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02335

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật bảo quản nông sản thực phẩm(207251)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **001_DH19CC_01**

Tên CBGD **Bùi Ngọc Hùng**

Ngày Thi **29/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV201**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC			6,9	8,0	9,0	8,4	0012345678910	0123456789
50	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC						✓	0012345678910	0123456789
51	19118258	Vũ Đình Trung	DH19CC			9,0	8,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
52	19118260	Nguyễn Nhật Trường	DH19CC			6,5	7,0	8,5	7,8	0012345678910	0123456789
53	19118262	Thái Văn Trường	DH19CC			6,8	6,5	9,5	8,3	0012345678910	0123456789
54	19118279	Bùi Bá Vũ	DH19CC			9,0	7,5	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
55	19118280	Nguyễn Hoàng Vũ	DH19CC			6,9	8,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
56	19118285	Phạm Huỳnh Phúc Yên	DH19CC			6,9	7,5	9,0	8,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 54 Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Hiền
Ngày in : 23/06/2022

Võ Huy Thịnh

TS. Nguyễn Đức Khuyến

BÙI NGỌC HÙNG



Mã nhận dạng 02336

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật bảo quản nông sản thực phẩm**(207 251

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **001_DH19CC_02**

Tên CBGD **Bùi Ngọc Hùng**

Ngày Thi **29/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC			7,0	7,5	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
2	19118017	Đỗ Tấn	DH19CC			8,0	8,0	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
3	19118018	Lê Minh	DH19CC			8,4	7,0	9,0	8,4	0012345678910	0123456789
4	19118020	Nguyễn Đoàn Công	DH19CC			8,5	8,0	9,5	9,0	0012345678910	0123456789
5	19118026	Đinh Ngọc	DH19CC			7,0	7,5	9,5	8,6	0012345678910	0123456789
6	19118044	Trần Nhật	DH19CC			8,3	7,0	9,0	8,4	0012345678910	0123456789
7	19118051	Phan Phúc	DH19CC			6,0	7,5	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
8	19118032	Trần Tiến	DH19CC			8,5	8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
9	19118035	Nguyễn Mai Quốc	DH19CC			8,3	7,0	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
10	18118021	Nguyễn Tiến	DH18CC			7,0	7,5	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
11	19118037	Phạm Thế	DH19CC			7,0	7,5	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
12	18118022	Phan Thành	DH18CC			7,0	7,0	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
13	19118039	Bùi Ngọc	DH19CC			9,0	7,5	9,5	8,9	0012345678910	0123456789
14	19118085	Đặng Minh	DH19CC			8,3	7,0	9,0	8,4	0012345678910	0123456789
15	19118087	Đỗ Quốc	DH19CC			7,0	7,5	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
16	19118094	Nguyễn Nam	DH19CC			7,0	7,5	9,0	8,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02336

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật bảo quản nông sản thực phẩm(207251**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **001_DH19CC_02**

Tên CBGD **Bùi Ngọc Hùng**

Ngày Thi **29/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118107	Phạm Vĩnh Khang	DH19CC			6,9	8,0	8,5	8,1	0012345678910	0023456789
18	19118131	Lê Hoàng Long	DH19CC			8,5	7,5	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
19	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC			7,0	5,0	8,0	7,1	0012345678910	0023456789
20	19118139	Đinh Minh Mẫn	DH19CC			6,4	7,5	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
21	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC			8,3	7,0	9,0	8,4	0012345678910	0123456789
22	19118159	Đinh Quang Nguyên	DH19CC			8,5	7,0	9,5	8,7	0012345678910	0123456789
23	19118164	Trần Thanh Nhân	DH19CC			8,5	7,0	9,0	8,4	0012345678910	0123456789
24	19118170	Nguyễn Hoàng Ninh	DH19CC			9,2	7,0	9,5	8,8	0012345678910	0123456789
25	19118177	Nguyễn Trường Phong	DH19CC			7,0	7,0	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
26	19118179	Nguyễn Lê Phú	DH19CC			8,5	6,5	8,0	7,7	0012345678910	0123456789
27	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC			0,0	8,0	4,5	4,7	0012345678910	0123456789
28	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC			8,3	7,0	8,5	8,1	0012345678910	0023456789
29	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC			8,3	7,5	9,0	8,5	0012345678910	0123456789
30	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC			9,0	6,5	9,0	8,4	0012345678910	0123456789
31	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC			10,0	8,0	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
32	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC			7,0	7,0	9,5	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02336

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật bảo quản nông sản thực phẩm(207251)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_02**

Tổ Thi **001_DH19CC_02**

Tên CBGD **Bùi Ngọc Hùng**

Ngày Thi **29/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT101**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118243	Nguyễn Tấn	Tịnh	<i>Tail</i>		9,0	7,0	9,5	8,8	0012345678910	0123456789
34	19118244	Nguyễn Phúc	Toại	<i>phuc</i>		9,0	7,0	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
35	19118246	Nguyễn Văn	Toàn	<i>toan</i>		6,8	7,0	9,0	8,2	0012345678910	0123456789
36	19118245	Nguyễn Văn	Toán	<i>toan</i>		9,0	7,0	9,0	8,5	0012345678910	0123456789
37	19118251	Trần Thị Thiên	Trang	<i>thien</i>		7,0	7,5	9,0	8,3	0012345678910	0123456789
38	19118250	Huỳnh Trần Bảo	Trần	<i>trien</i>		7,0	7,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
39	19118254	Huỳnh Như	Trọng	<i>trung</i>		9,0	7,5	9,5	8,9	0012345678910	0123456789
40	19118269	Trần Nguyễn Đức	Tuấn	<i>duc</i>		7,0	7,0	9,0	8,2	0012345678910	0123456789
41	19118263	Võ Văn	Tư	<i>tu</i>		9,0	7,5	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
42	19118278	Phan Văn	Vĩnh	<i>vinh</i>		9,0	7,0	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
43	19118284	Lâm Tuấn	Vỹ	<i>vinh</i>		9,0	7,5	9,0	8,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 43 Số sinh viên vắng ...0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 23/06/2022

N.V. Kiệp

Phan Trọng Nghĩa

Trần Ngọc Hùng

BÙI NGỌC HÙNG



Mã nhận dạng 02355

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cắm biển trong điều khiển(207501)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_01**

Tổ Thi

001_DH19TD_01

Tên CBGD

Lê Văn Bạ

Ngày Thi **28/07/2022**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD				30%	2,0	0012345678910	0123456789
2	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD				6,3	6,5	0012345678910	0123456789
3	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD					2,0	0012345678910	0123456789
4	19138005	Lê Thái Hoàng An	DH19TD					V	0012345678910	0123456789
5	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD				8,5	7,0	0012345678910	0123456789
6	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD					V	0012345678910	0123456789
7	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD				3,7	7,0	0012345678910	0123456789
8	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD				7,8	3,5	0012345678910	0123456789
9	19138016	Nguyễn Thị Thuý Duyên	DH19TD				5,4	9,0	0012345678910	0123456789
10	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD				4,7	5,5	0012345678910	0123456789
11	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD				7,5	8,0	0012345678910	0123456789
12	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD				7,3	9,8	0012345678910	0123456789
13	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD				8,3	6,5	0012345678910	0123456789
14	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD				7,3	7,5	0012345678910	0123456789
15	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD				7,7	7,5	0012345678910	0123456789
16	19138020	Đinh Văn Hiền	DH19TD					1,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02355

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cắm biển trong điều khiển(207501)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_01**

Tổ Thi **001_DH19TD_01**

Tên CBGD **Lê Văn Bận**

Ngày Thi **28/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV103**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138022	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD					2,25	2,3	0012345678910	0123456789
18	19138023	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD				8,8	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
19	18138029	Nguyễn Văn Hoàng	DH18TD				8,2	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
20	19138024	Võ Ngọc Hội	DH19TD				4,0	6,0	5,4	0012345678910	0123456789
21	19138025	Hoàng Phi Hùng	DH19TD				7,7	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
22	19138027	Bùi Huỳnh Song Huy	DH19TD					1,5	1,5	0012345678910	0123456789
23	19138028	Nguyễn Văn Huy	DH19TD				7,8	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
24	19138026	Nguyễn Viết Hưng	DH19TD				8,2	7,75	7,9	0012345678910	0123456789
25	19138032	Nguyễn Đình Khang	DH19TD				4,7	6,0	5,6	0012345678910	0123456789
26	19138034	Nguyễn Lê Hữu Khang	DH19TD				2,2	5,5	4,5	0012345678910	0123456789
27	19138038	Bùi Đăng Khoa	DH19TD				7,8	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
28	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD					✓	✓	0012345678910	0123456789
29	19138042	Nguyễn Cao Kỳ	DH19TD					2,0	2,0	0012345678910	0123456789
30	19138044	Đặng Thành Long	DH19TD				8,8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
31	19138043	Lê Tiến Lợi	DH19TD				9,2	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
32	19138045	Bùi Văn Hữu Luân	DH19TD				7,8	8,0	8,0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02355

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cầm biển trong điều khiển(207501)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_01**

Tổ Thi

001_DH19TD_01

Tên CBGD

Lê Văn Bạ

Ngày Thi **28/07/2022**

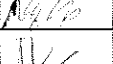
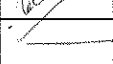
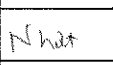
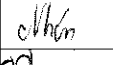
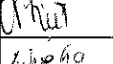
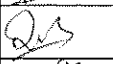
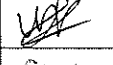
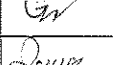
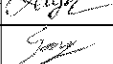
Giờ Thi

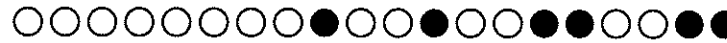
07:30

Phòng Thi

TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19138046	Võ Văn Minh	DH19TD				8,3	7,75	7,9	0012345678910	0123456789
34	19138048	Nguyễn Cà Na	DH19TD				8,2	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
35	19138050	Huỳnh Phạm Chánh	DH19TD				8,3	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
36	19138051	Nguyễn Trọng	DH19TD				7,8	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
37	19138052	Đặng Nghĩa	DH19TD							0012345678910	0123456789
38	19138054	Đoàn Lê Quang	DH19TD				8,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
39	19138055	Trần Đình	DH19TD				8,5	7,25	7,6	0012345678910	0123456789
40	19138057	Trần Minh	DH19TD				6	5,5	3,9	0012345678910	0123456789
41	19138058	Phạm Nguyễn Anh	DH19TD				7,9	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
42	19138059	Nguyễn Thành	DH19TD				5,3	7,5	7,0	0012345678910	0123456789
43	19138060	Nguyễn Bảo	DH19TD				8,1	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
44	19138062	Nguyễn Quốc	DH19TD				7,7	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
45	19138064	Vũ Đức	DH19TD				7,3	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
46	19138065	Lê Đăng	DH19TD				8,3	6,8	7,2	0012345678910	0123456789
47	19138066	Mai Văn	DH19TD				8,8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
48	19138067	Võ Thiện	DH19TD				8,3	7,5	7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02355

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cầm biển trong điều khiển(207501)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_01**

Tổ Thi **001_DH19TD_01**

Tên CBGD **Lê Văn Bạ**

Ngày Thi **28/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV103**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19138068	Lê Bá Nam	Son	Son			2,5	7,5	6,0	0012345678910	0123456789
50	18138075	Nguyễn Thanh	Son	SP			7,9	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
51	19138070	Nguyễn Chí	Tâm	Tâm			7,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
52	18118125	Nguyễn Minh	Tân	mtan			8,0	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
53	19138071	Nguyễn Bá	Thái	Thái			7,8	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
54	19138072	Trần Hoàng	Thái	Thao			7,7	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
55	19138073	Đỗ Quang	Thành	Thành			7,7	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
56	19138074	Nguyễn Tuấn	Thành	Thi			6,7	5,0	5,5	0012345678910	0123456789
57	19138075	Trần Công	Thịnh	Thi			7,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
58	19138076	Hồ Thị Hà	Thư	Thi			7,8	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
59	19138077	Dương Văn	Tiến	Thi			7,4	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
60	19138078	Nguyễn Văn	Tiến					V	V	0012345678910	0123456789
61	19138079	Cao Quốc	Tinh	Thi			8,7	7,25	7,7	0012345678910	0123456789
62	19138081	Nguyễn Minh	Toàn					V	V	0012345678910	0123456789
63	19138082	Quách Xuân	Trà	Thi			7,2	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
64	19138083	Nguyễn Thế	Trân	Thi			7,6	6,5	6,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02355

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cải biến trong điều khiển(207501)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_01**

Tổ Thi

001_DH19TD_01

Tên CBGD

Lê Văn Bạ

Ngày Thi **28/07/2022**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV103

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19138084	Trần Anh Trí	DH19TD					1,5	1,5	00012345678910	0123456789
66	19138087	Nguyễn Trọng	DH19TD				7,2	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
67	19138088	Nguyễn Nhật	DH19TD				5,8	5,0	5,3	0012345678910	0123456789
68	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD				7,7	7,75	7,7	0012345678910	0123456789
69	18138102	Ngô Lương Vinh	DH18TD					✓	✓	0012345678910	0123456789
70	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD				7,4	7,0	7,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi **67**. Số sinh viên vắng **03**.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 23/06/2022



Mã nhận dạng 02389

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Hệ thống truyền lực ô tô(207738)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_01**

Tổ Thi

001_DH19OT_01

Tên CBGD

Lê Quang Trí

Ngày Thi **26/07/2022**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT			8,0	9,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
2	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT			6,4	9,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
3	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT			7,8	10	6,5	7,6	0012345678910	0123456789
4	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT			7,6	10	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
5	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT			6,7	10	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
6	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT			8,0	9,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
7	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT			8,4	10	9,5	9,3	0012345678910	0123456789
8	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT			8,2	10	6,0	7,5	0012345678910	0123456789
9	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT			6,8	4,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
10	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT			8,1	7,0	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
11	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT			8,9	7,0	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
12	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT			6,4	10	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
13	19154048	Trần Hòa	DH19OT			8,2	10	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
14	19154050	Hà Ngọc Quốc Hoàng	DH19OT			8,4	9,0	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
15	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT			8,0	10	6,5	7,7	0012345678910	0123456789
16	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT			6,6	7,0	6,0	6,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02389

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Hệ thống truyền lực ô tô (207738)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_01

Tổ Thi

001_DH19OT_01

Tên CBGD

Lê Quang Trí

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT			7,6	7,0	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
18	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT			7,8	6,0	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
19	19154072	Hồ Trường Quốc Khánh	DH19OT			7,8	7,0	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
20	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT			8,0	8,0	4,0	6,0	0012345678910	0123456789
21	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT			6,0	7,0	5,0	5,7	0012345678910	0123456789
22	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT			7,2	7,0	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
23	19154087	Nguyễn Minh Lộc	DH19OT			7,8	10	6,0	7,3	0012345678910	0123456789
24	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT			7,7	10	4,0	6,3	0012345678910	0123456789
25	19154107	Đinh Minh Nhật	DH19OT			6,2	8,0	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
26	19154110	Huỳnh Đức Nhuận	DH19OT						✓	0012345678910	0123456789
27	19154104	Trần Thanh Nguyên	DH19OT			7,6	8,0	5,0	6,4	0012345678910	0123456789
28	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT			6,4	10	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
29	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT			8,2	10	7,0	8,0	0012345678910	0123456789
30	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT			8,9	10	7,0	8,2	0012345678910	0123456789
31	19154120	Lục Lưu Phước	DH19OT			6,2	8,0	4,5	5,7	0012345678910	0123456789
32	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT			7,6	10	5,5	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02389

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Hệ thống truyền lực ô tô (207738)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_01

Tổ Thi

001_DH19OT_01

Tên CBGD

Lê Quang Trí

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT	Quang		7,1	9,0	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
34	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT	Sang		6,2	7,0	8,0	7,3	0012345678910	0123456789
35	19154130	Trần Huỳnh Ngọc Sang	DH19OT	Sang		7,8	8,0	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
36	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT	Tài		6,7	9,0	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
37	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT	Thanh		6,4	10	5,0	6,4	0012345678910	0123456789
38	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT	Thien		6,8	9,0	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
39	19154148	Lương Tấn Thành	DH19OT	Thanh		7,0	8,0	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
40	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT	Thanh		7,6	10	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
41	19154151	Trần Trí Thành	DH19OT	Thanh		8,6	10	6,5	7,8	0012345678910	0123456789
42	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT						✓	0012345678910	0123456789
43	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT	Thao		6,2	6,0	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
44	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT	Thuan		7,0	8,0	4,0	5,7	0012345678910	0123456789
45	19154162	Sơn Minh Thuận	DH19OT						✓	0012345678910	0123456789
46	19154163	Lê Minh Tiến	DH19OT	Thuan		6,7	7,0	4,5	5,7	0012345678910	0123456789
47	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT	Tin		8,5	9,0	7,0	7,9	0012345678910	0123456789
48	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT	Tin		6,2	8,0	4,0	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02389

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Hệ thống truyền lực ô tô(207738)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_01

Tổ Thi

001_DH19OT_01

Tên CBGD

Lê Quang Trí

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154170	Hoàng Ngọc	Tinh	Tinh		7,4	7,0	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
50	19154172	Nguyễn Tiến	Triều			7,5	9,0	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
51	19154179	Lê Bá	Tuấn	Quang		6,0	5,0	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
52	19154184	Nguyễn Thanh	Tùng	Carl		5,6	9,0	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
53	19154185	Trần Lâm	Tùng						✓	0012345678910	0123456789
54	19154186	Trần Hồng	Tường			8,5	9,0	5,0	6,9	0012345678910	0123456789
55	19154187	Nguyễn Hoàng	Văn			9,0	8,0	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
56	19154189	Nguyễn Nho	Việt	Việt		6,0	6,0	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
57	19154190	Phạm Trương Quốc	Việt			7,3	8,0	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
58	19154191	Trương Quốc	Việt			8,2	10	5,5	7,2	0012345678910	0123456789
59	19154195	Nguyễn Ngọc	Vinh			7,1	9,0	3,0	5,4	0012345678910	0123456789
60	19154196	Thạch Thanh	Vũ	W		9,0	9,0	4,5	6,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02389

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Hệ thống truyền lực ô tô(207738)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH19OT_01** Tổ Thi **001_DH19OT_01** Tên CBGD **Lê Quang Trí**
Ngày Thi **26/07/2022** Giờ Thi **14:45** Phòng Thi **TV301**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


ThS. Lê Quang Trí


Vũ Thanh Thiên


Nguyễn Trịnh Nguyễn


ThS. Lê Quang Trí


TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 02390

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Hệ thống truyền lực ô tô (207738)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_02

Tổ Thi

001_DH19OT_02

Tên CBGD

Lê Quang Trí

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT			7,1	8,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
2	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT			6,0	8,0	0,0	3,4	0012345678910	0123456789
3	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT			7,0	7,0	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
4	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT			7,8	9,0	4,0	6,1	0012345678910	0123456789
5	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT			7,2	8,0	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
6	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT			6,4	7,0	4,0	5,3	0012345678910	0123456789
7	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT			6,8	9,0	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
8	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT			7,2	8,0	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
9	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT			6,8	9,0	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
10	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT			8,2	8,0	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
11	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT			7,6	9,0	4,0	6,1	0012345678910	0123456789
12	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT			6,8	7,0	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
13	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT			8,3	8,0	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
14	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT			7,4	8,0	1,0	4,3	0012345678910	0123456789
15	19154041	Đào Đức Hiền	DH19OT			7,5	9,0	5,0	6,6	0012345678910	0123456789
16	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT			7,4	10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02390

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Hệ thống truyền lực ô tô (207738)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_02

Tổ Thi

001_DH19OT_02

Tên CBGD

Lê Quang Trí

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154046	Phạm Quang	Hiếu	DH19OT		6,4	8,0	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
18	19154049	Trần Văn	Hòa	DH19OT		7,2	8,0	1,0	4,3	0012345678910	0123456789
19	19154047	Văn Công	Hoà	DH19OT		7,1	8,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
20	19154051	Lê Quang	Hoàng	DH19OT		7,6	7,0	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
21	19154059	Nguyễn Ngô Nhật	Huy	DH19OT		8,2	9,0	4,5	6,5	0012345678910	0123456789
22	19154060	Trần Quang	Huy	DH19OT		6,5	9,0	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
23	19154063	Trịnh Nhật	Huy	DH19OT		7,8	10	4,0	6,3	0012345678910	0123456789
24	19154056	Nguyễn Hải	Hưng	DH19OT		6,8	6,0	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
25	19154065	Diệp VT	Khang	DH19OT		6,2	10	1,5	4,6	0012345678910	0123456789
26	19154066	Đoàn Duy	Khang	DH19OT		7,2	9,0	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
27	19154070	Phan Văn	Khang	DH19OT		6,6	7,0	2,5	4,6	0012345678910	0123456789
28	19154071	Võ Minh	Khang	DH19OT		6,4	7,0	1,5	4,1	0012345678910	0123456789
29	19154073	Nguyễn Duy	Khánh	DH19OT		8,1	8,0	4,5	6,3	0012345678910	0123456789
30	19154074	Trần Công	Khánh	DH19OT		6,8	8,0	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
31	19154076	Trần Anh	Khòa	DH19OT		7,5	8,0	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
32	19154078	Đoàn Thế	Kiệt	DH19OT		6,9	7,0	2,0	4,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02390

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Hệ thống truyền lực ô tô(207738)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_02

Tổ Thi

001_DH19OT_02

Tên CBGD

Lê Quang Trí

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD205

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154082	Đặng Quang Lâm	DH19OT			7,0	8,0	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
34	19154089	Trần Đức Lợi	DH19OT			7,7	7,0	3,0	5,2	0012345678910	0123456789
35	19154092	Trần Đức Mạnh	DH19OT			7,1	8,0	4,5	6,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

M.V. Kiệp

Hồ Văn Nghi

Nguyễn Trinh Nguyễn

ThS. Lê Quang Trí

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 23/06/2022



Mã nhận dạng 02391

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Hệ thống truyền lực ô tô(207738)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi

002_DH19OT_02

Tên CBGD

Lê Quang Trí

Ngày Thi **26/07/2022**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

CT102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154093	Nguyễn Lê Anh Minh	DH19OT			6,4	8,0	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
2	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT			6,2	7,0	3,0	4,9	0012345678910	0123456789
3	19154096	Nguyễn Hà Phương	DH19OT			8,5	6,0	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
4	19154097	Nguyễn Hoàng	DH19OT			7,0	8,0	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
5	19130141	Phạm Hoàng	DH19OT			6,6	8,0	3,0	5,1	0012345678910	0123456789
6	19154099	Nguyễn Trọng	DH19OT			7,9	8,0	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
7	19154100	Trần Hoàng	DH19OT			8,3	9,0	4,5	6,5	0012345678910	0123456789
8	19154101	Dương Trọng	DH19OT			7,0	10	4,0	6,1	0012345678910	0123456789
9	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT			0,0	6,0	1,5	2,0	0012345678910	0123456789
10	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT			7,6	8,0	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
11	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT			6,9	8,0	3,0	5,2	0012345678910	0123456789
12	19154109	Dương Hoài Nhị	DH19OT			7,3	8,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
13	19154118	Não Hoài Phúc	DH19OT						✓	0012345678910	0123456789
14	19154123	Phạm Minh Phương	DH19OT			7,6	5,0	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
15	19154124	Phan Văn Phương	DH19OT			7,1	6,0	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
16	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT			7,2	7,0	5,0	6,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02391

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Hệ thống truyền lực ô tô(207738)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_02

Tổ Thi

002_DH19OT_02

Tên CBGD

Lê Quang Trí

Ngày Thi 26/07/2022

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

CT102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154127	Nguyễn Văn Quý	DH19OT			7,8	9,0	6,5	7,4	0012345678910	0123456789
18	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT			7,8	9,0	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
19	19154131	Lê Hoàng Sơn	DH19OT			8,0	10	3,5	6,2	0012345678910	0123456789
20	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT			6,5	8,0	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
21	19154136	Phạm Văn Tân	DH19OT			6,5	7,0	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
22	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT			7,2	7,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
23	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT			8,4	9,0	5,0	6,8	0012345678910	0123456789
24	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT			7,8	9,0	4,0	6,1	0012345678910	0123456789
25	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT			7,5	8,0	2,0	4,9	0012345678910	0123456789
26	19154145	Hồ Phan Long Thành	DH19OT			6,8	7,0	4,0	5,4	0012345678910	0123456789
27	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT			7,8	7,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
28	19154141	Nguyễn Quốc Thắng	DH19OT			7,8	8,0	3,5	5,7	0012345678910	0123456789
29	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT			7,3	8,0	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
30	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT			8,2	8,0	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
31	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT			7,1	10	2,5	5,4	0012345678910	0123456789
32	19154165	Lê Việt Tiệp	DH19OT			8,6	9,0	5,0	6,9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02391

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Hệ thống truyền lực ô tô(207738)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi

002_DH19OT_02

Tên CBGD

Lê Quang Trí

Ngày Thi **26/07/2022**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

CT102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154168	Lê Chánh	Tính			8,2	7,0	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
34	19154169	Nguyễn Trọng	Tính			6,6	9,0	3,0	5,3	0012345678910	0123456789
35	19154171	Lý Ngọc	Toàn			7,0	9,0	1,5	4,7	0012345678910	0123456789
36	19154900	Nguyễn Huy	Toàn			7,0	9,0	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
37	19154173	Trần Hải	Triệu			8,0	9,0	5,5	7,0	0012345678910	0123456789
38	19154174	Nguyễn Văn	Triệu			6,5	10	6,0	7,1	0012345678910	0123456789
39	19154176	Nguyễn Lập	Trường			8,2	10	2,0	5,5	0012345678910	0123456789
40	19154177	Nguyễn Nguyên	Trường			6,2	9,0	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
41	19154180	Nguyễn Hữu	Tuấn			6,7	9,0	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
42	19154182	Đoàn Phạm Thanh	Tùng			5,8	4,0	5,5	5,3	0012345678910	0123456789
43	19154197	Trần Thế	Vỹ			6,8	8,0	1,0	4,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 4. Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngày in: 23/06/2022



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: **Tính toán động cơ đốt trong (207739) - 01**

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT				9,2	4	6,1	0012345678910	0123456789
2	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT				8,3	4	5,7	0012345678910	0123456789
3	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT				5,8	4	4,7	0012345678910	0123456789
4	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT				8,3	4	5,7	0012345678910	0123456789
5	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT				9,2	6	7,3	0012345678910	0123456789
6	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT				6,5	4	5,0	0012345678910	0123456789
7	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT				7,5	4	6,1	0012345678910	0123456789
8	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT				7,5	4	5,4	0012345678910	0123456789
9	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT				6,2	6	6,1	0012345678910	0123456789
10	19154032	Võ Trung Dương	DH19OT				8,7	4	5,9	0012345678910	0123456789
11	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT				8,8	8	8,3	0012345678910	0123456789
12	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT				7,5	4	5,4	0012345678910	0123456789
13	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT				9,5	4	6,2	0012345678910	0123456789
14	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT				7,5	4	5,4	0012345678910	0123456789
15	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT				7,8	10	9,1	0012345678910	0123456789
16	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT				8,2	10	9,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01565

Trang 2/7

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Tính toán động cơ đốt trong (207739) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT				65	6	6,2	0012345678910	0123456789
18	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT				813	4	57	0012345678910	0123456789
19	19154041	Đào Đức Hiền	DH19OT				95	4	6,2	0012345678910	0123456789
20	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT				813	4	57	0012345678910	0123456789
21	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT				813	10	9,3	0012345678910	0123456789
22	19154048	Trần Hòa	DH19OT				813	8	8,2	0012345678910	0123456789
23	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT				95	4	6,2	0012345678910	0123456789
24	19154050	Hà Ngọc Quốc Hoàng	DH19OT				815	4	4,7	0012345678910	0123456789
25	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
26	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT				77	4	5,5	0012345678910	0123456789
27	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT				813	4	57	0012345678910	0123456789
28	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT				92	4	6,2	0012345678910	0123456789
29	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT				75	4	5,4	0012345678910	0123456789
30	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT				75	10	9	0012345678910	0123456789
31	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT				5	6	5,6	0012345678910	0123456789
32	19154065	Diệp Vĩ Khang	DH19OT				75	4	5,4	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Tính toán động cơ đốt trong (207739) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154070	Phan Văn Khang	DH19OT							0012345678910	0123456789
34	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT	<i>Minh</i>			75	10	9	0012345678910	0123456789
35	19154072	Hồ Trường Quốc	DH19OT	<i>Quốc</i>			5	4	44	0012345678910	0123456789
36	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT	<i>Khánh</i>			95	4	62	0012345678910	0123456789
37	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT	<i>Trần</i>			83	4	57	0012345678910	0123456789
38	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT	<i>Kiệt</i>			67	4	51	0012345678910	0123456789
39	19154082	Đặng Quang Lâm	DH19OT							0012345678910	0123456789
40	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT							0012345678910	0123456789
41	19154087	Nguyễn Minh Lộc	DH19OT	<i>Lộc</i>			10	4	64	0012345678910	0123456789
42	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT	<i>Lộc</i>			78	4	55	0012345678910	0123456789
43	19154089	Trần Đức Lợi	DH19OT	<i>Lợi</i>			58	4	47	0012345678910	0123456789
44	19154092	Trần Đức Mạnh	DH19OT	<i>Mạnh</i>			93	4	61	0012345678910	0123456789
45	19154093	Nguyễn Lê Anh Minh	DH19OT	<i>Minh</i>			75	4	53	0012345678910	0123456789
46	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT	<i>Minh</i>			83	4	57	0012345678910	0123456789
47	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT	<i>Nam</i>			87	7	77	0012345678910	0123456789
48	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT	<i>Nhan</i>			95	4	62	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Tính toán động cơ đốt trong (207739) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154107	Đình Minh Nhật	DH19OT				9,5	8	8,6	0012345678910	0123456789
50	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT				6,7	4	5,1	0012345678910	0123456789
51	19154109	Dương Hoài Nhị	DH19OT				9,3	4	6,1	0012345678910	0123456789
52	19154104	Trần Thanh Nguyễn	DH19OT				6,5	4	5	0012345678910	0123456789
53	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT				5	10	8	0012345678910	0123456789
54	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT				8,3	10	9,3	0012345678910	0123456789
55	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT				8,3	4	5,7	0012345678910	0123456789
56	19154120	Lục Lưu Phước	DH19OT				7,8	4	5,5	0012345678910	0123456789
57	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT				9,5	4	6,2	0012345678910	0123456789
58	19154123	Phạm Minh Phương	DH19OT				7,8	4	5,5	0012345678910	0123456789
59	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT				8,3	4	5,7	0012345678910	0123456789
60	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT				8,3	4	5,7	0012345678910	0123456789
61	19154127	Nguyễn Văn Quý	DH19OT				7,5	4	5,4	0012345678910	0123456789
62	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT				7,5	4	5,4	0012345678910	0123456789
63	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT				6,8	4	5,1	0012345678910	0123456789
64	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT				7,5	4	5,4	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Tính toán động cơ đốt trong (207739) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT	<i>Th</i>			7,5	4	5,4	0012345678910	012356789
66	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT	<i>BTh</i>			5,8	4	4,7	0012345678910	012345689
67	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT	<i>Th</i>			9,5	4	6,2	0012345678910	013456789
68	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT				8,3	6	6,9	0012345678910	0123456789
69	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT	<i>Th</i>			9,2	10	9,7	0012345678910	012345689
70	19154148	Lương Tấn Thành	DH19OT	<i>Th</i>			7,5	10	9	0012345678910	123456789
71	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT	<i>Th</i>			10	4	6,4	0012345678910	012356789
72	19154151	Trần Trí Thành	DH19OT	<i>Th</i>			10	4	6,4	0012345678910	012356789
73	19154141	Nguyễn Quốc Thắng	DH19OT	<i>Th</i>			8,7	4	5,9	0012345678910	0123456789
74	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT							10012345678910	0123456789
75	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT	<i>Th</i>			8,3	4	5,7	0012345678910	012345689
76	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT							10012345678910	0123456789
77	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT							10012345678910	0123456789
78	19154162	Son Minh Thuận	DH19OT							10012345678910	0123456789
79	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT							10012345678910	0123456789
80	19154165	Lê Việt Tiệp	DH19OT	<i>Th</i>			6,7	4	5,1	0012345678910	023456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Tính toán động cơ đốt trong (207739) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
81	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT				7	4	5,2	0012345678910	0123456789
82	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT				9,2	4	6,2	0012345678910	0123456789
83	19154170	Hoàng Ngọc Tinh	DH19OT				7,5	4	5,4	0012345678910	0123456789
84	19154172	Nguyễn Tiến Triều	DH19OT				7	4	5,2	0012345678910	0123456789
85	19154173	Trần Hải Triều	DH19OT				8,5	4	5,8	0012345678910	0123456789
86	19154174	Nguyễn Văn Triệu	DH19OT				8,5	4	5,8	0012345678910	0123456789
87	19154176	Nguyễn Lập Trường	DH19OT				8,5	4	5,7	0012345678910	0123456789
88	19154177	Nguyễn Nguyên Trường	DH19OT				7,5	4	5,4	0012345678910	0123456789
89	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT				9,7	4	6,3	0012345678910	0123456789
90	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT							0012345678910	0123456789
91	19154182	Đoàn Phạm Thanh Tùng	DH19OT							0012345678910	0123456789
92	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT				7,5	4	5,4	0012345678910	0123456789
93	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT				10	10	10	0012345678910	0123456789
94	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT				9,7	4	5,7	0012345678910	0123456789
95	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT				9,5	4	6,2	0012345678910	0123456789
96	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT				10	4	6,4	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Tính toán động cơ đốt trong (207739) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
97	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT				10	8	8,8	0012345678910	0123456789
98	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT				9,2	4	6,1	0012345678910	0123456789
99	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT				9,7	4	6,3	0012345678910	0123456789
100	19154197	Trần Thế Vy	DH19OT				9,2	4	6,1	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Các nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Trịnh Nguyên

Nguyễn Trịnh Nguyên

Nguyễn Trịnh Nguyên



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Tính toán động cơ đốt trong (207739) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT							0012345678910	0123456789
2	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT	Bul			75	4	5,4	0012345678910	0123456789
3	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT	Cas			4,3	6	5,3	0012345678910	0123456789
4	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT	Danh			6,7	4	5,1	0012345678910	0123456789
5	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT				7,7	4	5,5	0012345678910	0123456789
6	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT	Đức			7,8	4	5,5	0012345678910	0123456789
7	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT	Đức			5,3	4	6,4	0012345678910	0123456789
8	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT	Hân			9,2	4	6,1	0012345678910	0123456789
9	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT	Hậu			7,5	4	5,4	0012345678910	0123456789
10	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT	Hu			5,8	4	4,7	0012345678910	0123456789
11	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT							0012345678910	0123456789
12	19154059	Nguyễn Ngô Nhật Huy	DH19OT	Th			7,2	4	5,3	0012345678910	0123456789
13	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT	Th			8,2	4	5,7	0012345678910	0123456789
14	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT				9,2	6	7,3	0012345678910	0123456789
15	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT	K			7,8	4	5,5	0012345678910	0123456789
16	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT	Khoa			7	4	5,2	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Tính toán động cơ đốt trong (207739) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT				7,5	4	5,4	0012345678910	0123456789
18	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT				8	6	6,8	0012345678910	0123456789
19	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT				8	6	6,8	0012345678910	0123456789
20	19154090	Trịnh Đình Vũ	DH19OT				4,8	4	4,3	0012345678910	0123456789
21	19154096	Nguyễn Hà Phương	DH19OT							0012345678910	0123456789
22	19154099	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19OT				10	4	6,4	0012345678910	0123456789
23	19154100	Trần Hoàng Nghiêm	DH19OT				9,5	4	6,2	0012345678910	0123456789
24	19154101	Dương Trọng Ngôn	DH19OT				6,8	6	6,3	0012345678910	0123456789
25	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT				6,7	4	5,1	0012345678910	0123456789
26	19154118	Não Hoài Phúc	DH19OT							0012345678910	0123456789
27	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT				7,5	4	5,4	0012345678910	0123456789
28	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT				9,2	4	6,1	0012345678910	0123456789
29	19154130	Trần Huỳnh Ngọc Sang	DH19OT				8,3	4	5,7	0012345678910	0123456789
30	19154131	Lê Hoàng Sơn	DH19OT				6,2	4	4,0	0012345678910	0123456789
31	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT				8,8	4	5,9	0012345678910	0123456789
32	19154136	Phạm Văn Tân	DH19OT							0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Tính toán động cơ đốt trong (207739) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT				9,7	4	6,3	0012345678910	0123456789
34	19154145	Hồ Phan Long Thành	DH19OT				7,5	4	5,4	0012345678910	0123456789
35	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT				8,3	8	8,1	0012345678910	0123456789
36	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT				5,5	4	4,6	0012345678910	0123456789
37	19154168	Lê Chánh Tính	DH19OT				7,5	4	5,4	0012345678910	0123456789
38	19154171	Lý Ngọc Toàn	DH19OT				7,2	4	5,3	0012345678910	0123456789
39	19154900	Nguyễn Huy Toàn	DH19OT				9,2	6	7,3	0012345678910	0123456789
40	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT							0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Trịnh Nguyên

Nguyễn Trịnh Nguyên

Nguyễn Trịnh Nguyên



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết kế ô tô (207746) - 01

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT						8,0	0012345678910	0123456789
2	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT						✓	0012345678910	0123456789
3	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT						5,0	0012345678910	0123456789
4	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT						8,0	0012345678910	0123456789
5	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT						4,5	0012345678910	0123456789
6	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT						5,0	0012345678910	0123456789
7	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT						✓	0012345678910	0123456789
8	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT						0,0	0012345678910	0123456789
9	19154032	Võ Trùng Dương	DH19OT						7,0	0012345678910	0123456789
10	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT						8,0	0012345678910	0123456789
11	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT						8,0	0012345678910	0123456789
12	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT						4,0	0012345678910	0123456789
13	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT						9,0	0012345678910	0123456789
14	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT						0,0	0012345678910	0123456789
15	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT						4,0	0012345678910	0123456789
16	19154041	Đào Đức Hiền	DH19OT						0,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01569

Trang 2/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết kế ô tô (207746) - 01

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT						7,5	0012345678910	0123456789
18	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT						0,0	0012345678910	0123456789
19	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT						✓	0012345678910	0123456789
20	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT						0,0	0012345678910	0123456789
21	19154050	Hà Ngọc Quốc Hoàng	DH19OT						4,0	0012345678910	0123456789
22	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT						9,5	0012345678910	0123456789
23	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT						4,0	0012345678910	0123456789
24	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT						8,0	0012345678910	0123456789
25	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT						7,0	0012345678910	0123456789
26	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT						6,0	0012345678910	0123456789
27	19154065	Diệp Vĩ Khang	DH19OT						5,5	0012345678910	0123456789
28	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT						8,5	0012345678910	0123456789
29	19154070	Phan Văn Khang	DH19OT						0,0	0012345678910	0123456789
30	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT						6,5	0012345678910	0123456789
31	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT						8,0	0012345678910	0123456789
32	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT						4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01569

Trang 3/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết kế ô tô (207746) - 01

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT						✓	0012345678910	0123456789
34	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT						4,0	0012345678910	0123456789
35	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT						8,0	0012345678910	0123456789
36	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT						6,0	0012345678910	0123456789
37	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT						✓	0012345678910	0123456789
38	19154090	Trịnh Đình Vũ Long	DH19OT						0,0	0012345678910	0123456789
39	19154089	Trần Đức Lợi	DH19OT						5,0	0012345678910	0123456789
40	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT						7,0	0012345678910	0123456789
41	19154096	Nguyễn Hà Phương Nam	DH19OT						✓	0012345678910	0123456789
42	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT						0,0	0012345678910	0123456789
43	19154099	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19OT						7,5	0012345678910	0123456789
44	18154077	Nguyễn Thanh Nghiêm	DH18OT						7,0	0012345678910	0123456789
45	19154100	Trần Hoàng Nghiêm	DH19OT						4,0	0012345678910	0123456789
46	19154101	Dương Trọng Ngôn	DH19OT						9,0	0012345678910	0123456789
47	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT						0,0	0012345678910	0123456789
48	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT						8,0	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết kế ô tô (207746) - 01

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154107	Đình Minh Nhật	DH19OT						4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT						0,0	○ ● 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	19154109	Dương Hoài Nhị	DH19OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT						4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	19154118	Nã Hoài Phúc	DH19OT						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	19154123	Phạm Minh Phương	DH19OT						0,0	○ ● 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	19154127	Nguyễn Văn Quý	DH19OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	19154130	Trần Huỳnh Ngọc Sang	DH19OT						0,0	○ ● 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	19154131	Lê Hoàng Sơn	DH19OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	19154136	Phạm Văn Tân	DH19OT						0,0	○ ● 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT						5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT						5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01569

Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết kế ôtô (207746) - 01

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT	Thành					0,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	19154145	Hồ Phan Long	DH19OT	Thinh					0,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	19154147	Lê Văn	DH19OT	Thinh					7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	16154086	Bùi Xuân	DH16OT	Thinh					7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	19154141	Nguyễn Quốc	DH19OT						✓	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	19154158	Trần Hữu	DH19OT						7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	19154164	Nguyễn Phước	DH19OT						✓	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	19154165	Lê Việt	DH19OT	Tiep					0,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	19154168	Lê Chánh	DH19OT	Tinh					5,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	19154900	Nguyễn Huy	DH19OT	Loan					8,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	19154173	Trần Hải	DH19OT	Hai					7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	19154174	Nguyễn Văn	DH19OT	Van					9,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	19154176	Nguyễn Lập	DH19OT	Lap					6,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	19154180	Nguyễn Hữu	DH19OT	Huu					0,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	19154182	Đoàn Phạm Thanh	DH19OT	Thy					5,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Các nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 06/06/2022 09:52

Nguyễn Đức Khuyến
TS. Nguyễn Đức Khuyến

ThS. Lê Quang Trí

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết kế ô tô (207746) - 02

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT						4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT						6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT						4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT						5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT						5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19154048	Trần Hòa	DH19OT						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT						4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19154059	Nguyễn Ngô Nhật Huy	DH19OT						0,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT						7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT						4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết kế ôtô (207746) - 02

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT						7,0	0012345678910	0123456789
18	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT						0,0	0012345678910	0123456789
19	19154072	Hồ Trường Quốc Khánh	DH19OT						4,0	0012345678910	0123456789
20	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT						5,0	0012345678910	0123456789
21	19154082	Đặng Quang Lâm	DH19OT						4,0	0012345678910	0123456789
22	19154087	Nguyễn Minh Lộc	DH19OT						8,5	0012345678910	0123456789
23	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT						4,5	0012345678910	0123456789
24	19154092	Trần Đức Mạnh	DH19OT						4,0	0012345678910	0123456789
25	19154093	Nguyễn Lê Anh Minh	DH19OT						5,0	0012345678910	0123456789
26	19154104	Trần Thanh Nguyễn	DH19OT						4,0	0012345678910	0123456789
27	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT						8,5	0012345678910	0123456789
28	19154120	Lục Lưu Phước	DH19OT						6,0	0012345678910	0123456789
29	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT						8,5	0012345678910	0123456789
30	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT						5,0	0012345678910	0123456789
31	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT						6,0	0012345678910	0123456789
32	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT						7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01570

Trang 3/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết kế ô tô (207746) - 02

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT						0,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT						7,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT						0,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT						8,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
37	19154148	Lương Tất Thành	DH19OT						0,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT						8,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	19154151	Trần Trí Thành	DH19OT						7,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT						✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT						7,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT						✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT						✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	19154162	Sơn Minh Thuận	DH19OT						✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT						4,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
46	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT						7,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	19154170	Hoàng Ngọc Tinh	DH19OT						5,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	19154171	Lý Ngọc Toàn	DH19OT						5,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 01570

Trang 4/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết kế ô tô (207746) - 02

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154172	Nguyễn Tiến Triều	DH19OT						4.0	0012345678910	0123456789
50	19154177	Nguyễn Nguyễn Trường	DH19OT						7.5	0012345678910	0123456789
51	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT						0.0	0012345678910	0123456789
52	19154184	Nguyễn Thanh Tùng	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
53	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT						✓	0012345678910	0123456789
54	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT						8.5	0012345678910	0123456789
55	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT						5.0	0012345678910	0123456789
56	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT						8.0	0012345678910	0123456789
57	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT						5.0	0012345678910	0123456789
58	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT						6.0	0012345678910	0123456789
59	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT						4.0	0012345678910	0123456789
60	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
61	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT						7.0	0012345678910	0123456789
62	19154197	Trần Thế Vy	DH19OT						7.5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyển

Lê Quang Trí

Ngày in : 06/06/2022 09:52



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Dao động & tiếng ồn trên ô tô (207747) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
2	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT							0012345678910	0123456789
3	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT				9	8	8,4	0012345678910	0123456789
4	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
5	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT				9	10	9,6	0012345678910	0123456789
6	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT				8	6	6,8	0012345678910	0123456789
7	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
8	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT				8	6	6,8	0012345678910	0123456789
9	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
10	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
11	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
12	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
13	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
14	19154032	Võ Trùng Dương	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
15	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
16	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Dao động & tiếng ồn trên ô tô (207747) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
18	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT				9	10	9,6	0012345678910	0123456789
19	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT				6	7	6,6	0012345678910	0123456789
20	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
21	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
22	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
23	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT				7	4	5,2	0012345678910	0123456789
24	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
25	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
26	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT				8	6	6,8	0012345678910	0123456789
27	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
28	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT							0012345678910	0123456789
29	19154050	Hà Ngọc Quốc Hoàng	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
30	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
31	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT				9	6	7,2	0012345678910	0123456789
32	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT				7	4	5,2	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Dao động & tiếng ồn trên ô tô (207747) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT				3	4	6	0012345678910	0123456789
34	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT				9	6	72	0012345678910	0123456789
35	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT				8	4	516	0012345678910	0123456789
36	19154070	Phan Văn Khang	DH19OT				65	4	5	0012345678910	0123456789
37	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT				9	8	814	0012345678910	0123456789
38	19154072	Hồ Trường Quốc	DH19OT				8	4	516	0012345678910	0123456789
39	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
40	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT				65	4	5	0012345678910	0123456789
41	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT				8	4	516	0012345678910	0123456789
42	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT				9	6	72	0012345678910	0123456789
43	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
44	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT				8	4	516	0012345678910	0123456789
45	19154082	Đặng Quang Lâm	DH19OT				6	4	418	0012345678910	0123456789
46	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT							0012345678910	0123456789
47	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT				8	4	516	0012345678910	0123456789
48	19154090	Trịnh Đình Vũ	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Dao động & tiếng ồn trên ô tô (207747) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
50	19154089	Trần Đức Lợi	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
51	19154092	Trần Đức Mạnh	DH19OT				8	6	6,8	0012345678910	0123456789
52	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT				7	4	5,2	0012345678910	0123456789
53	19154096	Nguyễn Hà Phương	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
54	19154100	Trần Hoàng Nghiêm	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
55	19154101	Dương Trọng Ngón	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
56	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT							0012345678910	0123456789
57	19154107	Đinh Minh Nhật	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
58	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
59	19154104	Trần Thanh Nguyên	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
60	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
61	19154118	Nã Hoài Phúc	DH19OT							0012345678910	0123456789
62	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT				9	10	9,6	0012345678910	0123456789
63	19154123	Phạm Minh Phương	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
64	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT				8	6	6,8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Dao động & tiếng ồn trên ô tô (207747) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
65	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
66	19154127	Nguyễn Văn Quý	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
67	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT				9	6	7,2	0012345678910	0123456789
68	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
69	19154130	Trần Huỳnh Ngọc Sang	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
70	19154131	Lê Hoàng Sơn	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
71	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
72	19154136	Phạm Văn Tân	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
73	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
74	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
75	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
76	19154145	Hồ Phan Long Thành	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
77	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
78	19154148	Lương Tấn Thành	DH19OT				8	6	6,8	0012345678910	0123456789
79	19154141	Nguyễn Quốc Thắng	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
80	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT							0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Dao động & tiếng ồn trên ô tô (207747) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyễn (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
81	19154165	Lê Việt Tiệp	DH19OT				0	4	6	0012345678910	0123456789
82	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
83	19154174	Nguyễn Văn Triệu	DH19OT				7	4	5,2	0012345678910	0123456789
84	19154176	Nguyễn Lập Trường	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
85	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
86	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT				7	4	5,2	0012345678910	0123456789
87	19154182	Đoàn Phạm Thanh Tùng	DH19OT				7	4	5,2	0012345678910	0123456789
88	19154184	Nguyễn Thanh Tùng	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
89	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
90	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT				9	8	8,4	0012345678910	0123456789
91	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
92	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
93	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT				9	8	8,4	0012345678910	0123456789
94	19154197	Trần Thế Vỹ	DH19OT				8	8	8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Các nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Trịnh Nguyễn

Nguyễn Trịnh Nguyễn

Nguyễn Trịnh Nguyễn



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Dao động & tiếng ồn trên ô tô (207747) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT				7	4	5,2	0012345678910	0123456789
2	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
3	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
4	19154041	Đào Đức Hiền	DH19OT				7	4	5,2	0012345678910	0123456789
5	19154048	Trần Hòa	DH19OT				9	8	8,4	0012345678910	0123456789
6	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT				7	4	5,2	0012345678910	0123456789
7	19154059	Nguyễn Ngô Nhật Huy	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
8	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
9	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT				9	6	7,2	0012345678910	0123456789
10	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT				8	6	6,8	0012345678910	0123456789
11	19154065	Diệp VT Khang	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
12	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
13	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
14	19154087	Nguyễn Minh Lộc	DH19OT				9	8	8,4	0012345678910	0123456789
15	19154093	Nguyễn Lê Anh Minh	DH19OT				8	6	6,8	0012345678910	0123456789
16	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT				8	6	6,8	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Dao động & tiếng ồn trên ô tô (207747) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyễn (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154099	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19OT				8	4	5,6	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
18	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT				8	4	5,6	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
19	19154109	Dương Hoài Nhị	DH19OT				9	4	6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT				9	6	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
21	19154120	Lục Lưu Phước	DH19OT				8	4	5,6	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
22	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT				9	6	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
23	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT				7	4	5,2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
24	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT				9	4	6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT				7	4	5,2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
26	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT				9	10	9,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
27	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT				9	8	8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
28	19154151	Trần Trí Thành	DH19OT				9	6	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
29	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT				8	4	5,6	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
30	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT				8	10	9,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
31	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT				9	4	6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT				8	4	5,6	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9



Mã nhận dạng 01572

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Dao động & tiếng ồn trên ô tô (207747) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154162	Son Minh Thuận	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
34	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
35	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
36	19154170	Hoàng Ngọc Tinh	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
37	19154168	Lê Chánh Tính	DH19OT				8	6	6,8	0012345678910	0123456789
38	19154171	Lý Ngọc Toàn	DH19OT				7	4	5,2	0012345678910	0123456789
39	19154900	Nguyễn Huy Toàn	DH19OT				8	9	6,8	0012345678910	0123456789
40	19154172	Nguyễn Tiến Triều	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789
41	19154173	Trần Hải Triều	DH19OT				6	6	6,8	0012345678910	0123456789
42	19154177	Nguyễn Nguyên Trường	DH19OT				7	4	5,2	0012345678910	0123456789
43	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT				9	10	9,6	0012345678910	0123456789
44	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
45	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT				9	4	6	0012345678910	0123456789
46	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT				8	4	5,6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Vĩnh Nguyên

Nguyễn Vĩnh Nguyên

Nguyễn Vĩnh Nguyên



Mã nhận dạng 02392

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ chẩn đoán ô tô(207751)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_01

Tổ Thi

001_DH19OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 25/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT				7,2	6,6	7,1	0012345678910	0123456789
2	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT				6,2	4	5	0012345678910	0123456789
3	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT				6,2	7	7,1	0012345678910	0123456789
4	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT				8,2	4,7	5,9	0012345678910	0123456789
5	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT				6,4	4,8	5,6	0012345678910	0123456789
6	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT				6,2	5,4	6	0012345678910	0123456789
7	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT				6,2	5,1	5,8	0012345678910	0123456789
8	18154027	Đinh Quốc Dũng	DH18OT				7	4,6	5,6	0012345678910	0123456789
9	19154032	Võ Trung Dương	DH19OT				6,2	4	5	0012345678910	0123456789
10	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT				7,4	6,6	7,1	0012345678910	0123456789
11	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT				6	5,9	6,3	0012345678910	0123456789
12	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT				6,2	6,2	6,6	0012345678910	0123456789
13	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT				10	5,5	6,9	0012345678910	0123456789
14	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT				6,2	4	5	0012345678910	0123456789
15	19154048	Trần Hòa	DH19OT				10	6,1	7,2	0012345678910	0123456789
16	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT				6,4	5,2	5,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02392

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ chẩn đoán ô tô(207751)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_01

Tổ Thi

001_DH19OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 25/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT				6,6	4,7	5,6	0012345678910	0123456789
18	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT				6,2	5,8	6,3	0012345678910	0123456789
19	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT				7,4	4	5,3	0012345678910	0123456789
20	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT				8,8	5	6,3	0012345678910	0123456789
21	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT				9,2	5,4	6,6	0012345678910	0123456789
22	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT				7,6	4,7	5,8	0012345678910	0123456789
23	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT				7,4	4,7	5,8	0012345678910	0123456789
24	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT				6,3	5	5,8	0012345678910	0123456789
25	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT				8,8	7,4	7,9	0012345678910	0123456789
26	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT				7,5	1,3	3,9	0012345678910	0123456789
27	19154090	Trịnh Đình Vũ	DH19OT				6,4	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
28	19154087	Nguyễn Minh Lộc	DH19OT				9,4	6,8	7,6	0012345678910	0123456789
29	19154089	Trần Đức Lợi	DH19OT				7,4	6,7	7,2	0012345678910	0123456789
30	19154093	Nguyễn Lê Anh Minh	DH19OT				6,4	6,2	6,6	0012345678910	0123456789
31	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT				7	4,7	5,7	0012345678910	0123456789
32	19154096	Nguyễn Hà Phương Nam	DH19OT				6,2	5,2	5,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02392

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ chẩn đoán ô tô(207751)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_01

Tổ Thi

001_DH19OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 25/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154097	Nguyễn Hoàng	Nam				7	47	5,7	0012345678910	0123456789
34	19130141	Phạm Hoàng	Nam				6,4	4,4	5,4	0012345678910	0123456789
35	19154099	Nguyễn Trọng	Nghĩa				6,2	6,7	6,9	0012345678910	0123456789
36	19154100	Trần Hoàng	Nghiêm				7,6	5,1	6,1	0012345678910	0123456789
37	19154101	Dương Trọng	Ngôn				8	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
38	19154105	Nguyễn Xuân	Nhân				0	4,7	3,3	0012345678910	0123456789
39	19154109	Dương Hoài	Nhị				6,9	4,7	5,7	0012345678910	0123456789
40	19154114	Hồ Thanh	Phú				8,8	6,6	7,4	0012345678910	0123456789
41	19154118	Não Hoài	Phúc							0012345678910	0123456789
42	19154122	Trần Lê Hữu	Phước				8,2	7,6	8	0012345678910	0123456789
43	19154123	Phạm Minh	Phương				7,4	5,4	6,3	0012345678910	0123456789
44	19154125	Võ Anh	Phương				6,3	6,8	7	0012345678910	0123456789
45	19154128	Nguyễn Đình	Quyết				8,2	4,8	6	0012345678910	0123456789
46	19154131	Lê Hoàng	Son				8,7	4,6	6,0	0012345678910	0123456789
47	19154136	Phạm Văn	Tân				6,8	4,7	5,7	0012345678910	0123456789
48	19154137	Huỳnh Anh	Tấn				6,8	4,7	5,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02392

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ chẩn đoán ô tô(207751)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_01

Tổ Thi

001_DH19OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 25/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV202

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT				616	85	8,2	0012345678910	0123456789
50	19154145	Hồ Phan Long	DH19OT				714	914	5,6	0012345678910	0123456789
51	19154150	Phạm Minh	DH19OT				818	63	7,2	0012345678910	0123456789
52	19154151	Trần Trí	DH19OT				716	72	7,6	0012345678910	0123456789
53	16154086	Bùi Xuân	DH16OT				7	59	6,5	0012345678910	0123456789
54	19154141	Nguyễn Quốc	DH19OT				612	313	5	0012345678910	0123456789
55	19154158	Trần Hữu	DH19OT				715	519	6,7	0012345678910	0123456789
56	18454014	Võ Lê Phú	LT18OT				716	319	5,2	0012345678910	0123456789
57	19154164	Nguyễn Phước	DH19OT				612	416	5,5	0012345678910	0123456789
58	19154165	Lê Việt	DH19OT				612	319	5,0	0012345678910	0123456789
59	19154168	Lê Chánh	DH19OT				919	716	8,3	0012345678910	0123456789
60	19154169	Nguyễn Trọng	DH19OT				614	413	5,3	0012345678910	0123456789
61	19154900	Nguyễn Huy	DH19OT				818	512	6,4	0012345678910	0123456789
62	18154125	Nguyễn Văn	DH18OT				718	315	5,0	0012345678910	0123456789
63	19154173	Trần Hải	DH19OT				614	515	6,1	0012345678910	0123456789
64	19154177	Nguyễn Nguyên	DH19OT				812	613	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02392

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ chẩn đoán ô tô (207751)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_01

Tổ Thi

001_DH19OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 25/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV202

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17154116	Nguyễn Anh Tuấn	DH17OT				612	75	75	0012345678910	0123456789
66	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT				613	46	55	0012345678910	0123456789
67	19154184	Nguyễn Thanh Tùng	DH19OT				614	54	64	0012345678910	0123456789
68	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT				614	43	53	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ~~67~~ Số sinh viên vắng ~~1~~

67

1

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Vũ Thanh Thiên

N.V. Kiệp

Nguyễn Trịnh Nguyên

Nguyễn Trịnh Nguyên

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày in : 20/06/2022



Mã nhận dạng 02393

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ chẩn đoán ôtô(207751)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_02

Tổ Thi

001_DH19OT_02

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 25/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT				7	55	6,2	0012345678910	0123456789
2	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT				7,4	77	7,8	0012345678910	0123456789
3	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT				6,3	5,1	5,9	0012345678910	0123456789
4	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT				6,3	5,9	5,0	0012345678910	0123456789
5	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT				6,2	6,4	6,7	0012345678910	0123456789
6	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT				6,4	6,3	6,7	0012345678910	0123456789
7	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT				8	5,9	6,8	0012345678910	0123456789
8	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT				6,2	5,1	5,8	0012345678910	0123456789
9	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT				9,3	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
10	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT				8,6	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
11	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT				6,4	3,9	5,0	0012345678910	0123456789
12	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT				8,8	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
13	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT				6,2	4,3	5,3	0012345678910	0123456789
14	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT				6,8	4	5,2	0012345678910	0123456789
15	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT				7	7,6	7,7	0012345678910	0123456789
16	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT				10	5,4	6,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02393

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ chẩn đoán ô tô(207751)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_02

Tổ Thi

001_DH19OT_02

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 25/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT				62	47	55	0012345678910	0123456789
18	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT				10	55	68	0012345678910	0123456789
19	19154050	Hà Ngọc Quốc Hoàng	DH19OT				62	54	60	0012345678910	0123456789
20	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT				7	51	59	0012345678910	0123456789
21	19154059	Nguyễn Ngô Nhật Huy	DH19OT				64	62	66	0012345678910	0123456789
22	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT				88	55	66	0012345678910	0123456789
23	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT				74	5	6	0012345678910	0123456789
24	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT				6	62	65	0012345678910	0123456789
25	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT				94	51	65	0012345678910	0123456789
26	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT				64	44	54	0012345678910	0123456789
27	19154065	Diệp Vĩ Khang	DH19OT				86	63	71	0012345678910	0123456789
28	19154072	Hồ Trường Quốc Khánh	DH19OT				82	55	66	0012345678910	0123456789
29	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT				62	47	55	0012345678910	0123456789
30	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT				64	36	46	0012345678910	0123456789
31	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT				64	48	56	0012345678910	0123456789
32	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT				62	47	55	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02393

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ chẩn đoán ô tô(207751)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_02

Tổ Thi

001_DH19OT_02

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 25/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154082	Đặng Quang Lâm	DH19OT				6,2	5,1	5,8	0012345678910	0123456789
34	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT				6,4	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
35	19154092	Trần Đức Mạnh	DH19OT				2,4	4,7	5,7	0012345678910	0123456789
36	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT				2,4	3,6	5,0	0012345678910	0123456789
37	19154107	Đinh Minh Nhật	DH19OT				6,2	6,3	6,7	0012345678910	0123456789
38	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT				7	6	6,6	0012345678910	0123456789
39	19154104	Trần Thanh Nguyên	DH19OT				7,6	4	5,3	0012345678910	0123456789
40	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT				6,2	6,6	6,9	0012345678910	0123456789
41	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT				7,6	2,1	4,5	0012345678910	0123456789
42	19154120	Lục Lưu Phước	DH19OT				6,4	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
43	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT				10	5,8	7,1	0012345678910	0123456789
44	19154127	Nguyễn Văn Quý	DH19OT				2	5,1	6,6	0012345678910	0123456789
45	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT				6,4	4	5,2	0012345678910	0123456789
46	19154130	Trần Huỳnh Ngọc Sang	DH19OT				8,7	5,8	6,8	0012345678910	0123456789
47	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT				7	5,7	6,4	0012345678910	0123456789
48	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT				6,4	5,3	6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02393

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ chẩn đoán ô tô (207751)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_02

Tổ Thi

001_DH19OT_02

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 25/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV103

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154139	Dương Bảo	Thái	DH19OT			7,4	7,4	7,7	0012345678910	0123456789
50	19154140	Nguyễn Quốc	Thái	DH19OT			6,2	4,7	5,5	0012345678910	0123456789
51	19154142	Nguyễn Bảo	Thanh	DH19OT			6,4	7	7,2	0012345678910	0123456789
52	19154146	Lê Thiện	Thành	DH19OT			8,2	7,1	7,6	0012345678910	0123456789
53	19154147	Lê Văn	Thành	DH19OT			7,6	8,7	7,2	0012345678910	0123456789
54	19154148	Lương Tất	Thành	DH19OT			7,6	5	6	0012345678910	0123456789
55	19154154	Lê Danh	Thi	DH19OT						0012345678910	0123456789
56	19154157	Chu Thánh	Thiện	DH19OT			6,9	5,8	6,4	0012345678910	0123456789
57	19154159	Nguyễn Thanh	Thông	DH19OT			6,4	4,8	5,6	0012345678910	0123456789
58	19154161	Lâm Gia	Thuận	DH19OT			6,4	5	5,8	0012345678910	0123456789
59	19154162	Sơn Minh	Thuận	DH19OT			6,2	4,4	5,3	0012345678910	0123456789
60	19154166	Huỳnh Công	Tín	DH19OT			7	6,2	6,7	0012345678910	0123456789
61	19154167	Nguyễn Hữu	Tín	DH19OT			6,9	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
62	19154170	Hoàng Ngọc	Tinh	DH19OT			6,4	7,4	7,5	0012345678910	0123456789
63	19154171	Lý Ngọc	Toàn	DH19OT			6,2	6,3	6,6	0012345678910	0123456789
64	19154172	Nguyễn Tiến	Triều	DH19OT			8,8	5,8	6,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02393

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ chẩn đoán ô tô(207751)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_02

Tổ Thi

001_DH19OT_02

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 25/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV103

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19154174	Nguyễn Văn Triệu	DH19OT				6,8	3,8	5,0	0012345678910	0123456789
66	19154176	Nguyễn Lập Trường	DH19OT				6,2	4,4	5,3	0012345678910	0123456789
67	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT				8,1	3,6	5,1	0012345678910	023456789
68	19154182	Đoàn Phạm Thanh Tùng	DH19OT				6,8	5,1	5,9	0012345678910	0123456789
69	19154185	Trần Lâm	DH19OT							0012345678910	0123456789
70	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT				10	3,9	5,8	0012345678910	0123456789
71	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT				7,4	6,6	7,1	0012345678910	023456789
72	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT				8,2	4,8	6,0	0012345678910	023456789
73	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT				8,8	6	7	0012345678910	023456789
74	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT				8,8	6,2	7,1	0012345678910	023456789
75	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT				7,6	3,9	5,3	0012345678910	0123456789
76	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT				6,4	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
77	19154197	Trần Thế Vỹ	DH19OT				7,4	5,8	6,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02393

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ chẩn đoán ô tô(207751)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_02

Tổ Thi

001_DH19OT_02

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 25/07/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV103

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 __%	Đ2 __%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	-----------	-----------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 75 Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

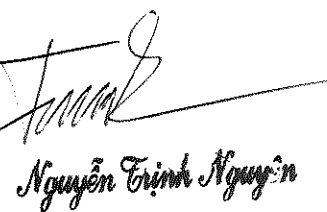
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Vũ Quang Trí


Phạm Minh Hiền


Nguyễn Trịnh Nguyên


Nguyễn Trịnh Nguyên


Nguyễn Trịnh Nguyên



Mã nhận dạng 02394

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Năng lượng mới trên ô tô(207753)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi

001_DH19OT_02

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi **29/07/2022**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT					5,6	6,4	6,1	0012345678910
2	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT					5	6	5,6	0012345678910
3	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT					6,7	4,4	5,3	0012345678910
4	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT					7,3	5	5,9	0012345678910
5	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT					5	5	5	0012345678910
6	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT					7,3	4,6	5,7	0012345678910
7	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT					5	5,2	5,1	0012345678910
8	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT					5	4,8	4,9	0012345678910
9	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT					5	5,2	5,1	0012345678910
10	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT					5	5,2	5,1	0012345678910
11	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT					5	4	4,4	0012345678910
12	19154032	Võ Trùng Dương	DH19OT					5,6	5,6	5,6	0012345678910
13	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT					5	4,8	4,9	0012345678910
14	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT					5	4,8	4,9	0012345678910
15	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT					5,6	5	5,2	0012345678910
16	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT					5,6	6,6	6,2	0012345678910



Mã nhận dạng 02394

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Năng lượng mới trên ô tô(207753)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi

001_DH19OT_02

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi **29/07/2022**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT				8,4	6,2	7,1	0012345678910	0123456789
18	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT				5	5,2	5,1	0012345678910	0123456789
19	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT				5	6	5,6	0012345678910	0123456789
20	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT				5	5,8	5,5	0012345678910	0123456789
21	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT				5	5,8	5,5	0012345678910	0123456789
22	19154048	Trần Hòa	DH19OT				7,3	6,6	6,9	0012345678910	0123456789
23	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT				5	5	5	0012345678910	0123456789
24	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT				5	5,8	5,5	0012345678910	0123456789
25	19154050	Hà Ngọc Quốc Hoàng	DH19OT				5	6,2	5,7	0012345678910	0123456789
26	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT				5	4,6	4,8	0012345678910	0123456789
27	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT				5	5,4	5,2	0012345678910	0123456789
28	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT				7,9	4,4	5,8	0012345678910	0123456789
29	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT				6,1	4,4	5,1	0012345678910	0123456789
30	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT				5	4,6	4,8	0012345678910	0123456789
31	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT				5	6	5,6	0012345678910	0123456789
32	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT				7,9	4,6	5,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02394

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Năng lượng mới trên ô tô(207753)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi

001_DH19OT_02

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi **29/07/2022**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD205

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT				6,1	6,2	6,2	0012345678910	0123456789
34	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT				3	6,8	5,3	0012345678910	0123456789
35	19154065	Diệp Vĩ Khang	DH19OT				7,0	4,8	6,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Vũ Quang Vinh

Vũ Huy Thập

Nguyễn Trịnh Nguyên

Nguyễn Trịnh Nguyên

Nguyễn Văn Khuyết

Ngày in : 20/06/2022



Mã nhận dạng 02395

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Năng lượng mới trên ô tô(207753)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi

002_DH19OT_02

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi **29/07/2022**

Giờ Thi

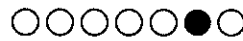
07:30

Phòng Thi

TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT				4,6	4,6	4,6	0012345678910	0123456789
2	19154070	Phan Văn Khang	DH19OT				4,6	4,6	4,6	0012345678910	0123456789
3	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT				9	5,6	7	0012345678910	0123456789
4	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT				6,9	4,2	5,3	0012345678910	0123456789
5	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT				3	5,2	4,3	0012345678910	0123456789
6	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT				3,6	5,4	4,7	0012345678910	0123456789
7	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT				7,1	4,4	5,6	0012345678910	0123456789
8	19154082	Đặng Quang Lâm	DH19OT				4,7	5,2	5	0012345678910	0123456789
9	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT				7,4	5,6	6,3	0012345678910	0123456789
10	19154089	Trần Đức Lợi	DH19OT				6,1	4,8	5,3	0012345678910	0123456789
11	19154092	Trần Đức Mạnh	DH19OT				5	4,2	4,5	0012345678910	0123456789
12	19154093	Nguyễn Lê Anh Minh	DH19OT				5	5	5	0012345678910	0123456789
13	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT				5	5	5	0012345678910	0123456789
14	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT				9	5,8	7,1	0012345678910	0123456789
15	19130141	Phạm Hoàng Nam	DH19OT				6,1	4,6	5,2	0012345678910	0123456789
16	19154101	Dương Trọng Ngôn	DH19OT				5	4,2	5,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02395

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Năng lượng mới trên ô tô(207753)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi

002_DH19OT_02

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi **29/07/2022**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT	Nhan			5	4,2	4,5	0012345678910	0123456789
18	19154107	Đinh Minh Nhật	DH19OT	Minh			6,1	5,4	5,7	0012345678910	0123456789
19	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT	Minh			5	5	5	0012345678910	0123456789
20	19154109	Dương Hoài Nhị	DH19OT	Nhan			5	5,2	5,1	0012345678910	0123456789
21	19154104	Trần Thanh Nguyễn	DH19OT	nguyen			5,6	6,4	6,1	0012345678910	0123456789
22	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT	huynh			6,1	5,4	5,7	0012345678910	0123456789
23	19154120	Lục Lưu Phước	DH19OT	Phuoc			5	5,6	5,4	0012345678910	0123456789
24	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT	Quang			5	5,4	5,2	0012345678910	0123456789
25	19154127	Nguyễn Văn Quý	DH19OT	Quynh			5	6,8	6,1	0012345678910	0123456789
26	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT	Sang			5	5,8	5,5	0012345678910	0123456789
27	19154130	Trần Huỳnh Ngọc Sang	DH19OT	Sang			5	6,6	6	0012345678910	0123456789
28	19154131	Lê Hoàng Sơn	DH19OT	Son			5	5	5	0012345678910	0123456789
29	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT	Tai			5	3,2	3,4	0012345678910	0123456789
30	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT	Tan			5,6	6,4	6,1	0012345678910	0123456789
31	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT	Bao			5	5,6	5,4	0012345678910	0123456789
32	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT	Thai			6	5,8	5,9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02395

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Năng lượng mới trên ô tô(207753)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_02

Tổ Thi

002_DH19OT_02

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 29/07/2022

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT	B Thanh			6,6	5,2	5,7	0012345678910	0123456789
34	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT	Ch Thành			6	4,6	5,2	0012345678910	0123456789
35	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT	Lh			6,6	5	5,6	0012345678910	0123456789
36	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT	Lh			6	7	6,6	0012345678910	0123456789
37	19154148	Lương Tấn Thành	DH19OT	Lh			7,1	6	6,5	0012345678910	0123456789
38	19154141	Nguyễn Quốc Thắng	DH19OT	Nh			6	5,2	5,5	0012345678910	0123456789
39	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT	Lh			6	4,2	4,9	0012345678910	0123456789
40	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT	Tb			6	6	6	0012345678910	0123456789
41	18454014	Võ Lê Phú	LT18OT	Vl			5	6,6	6	0012345678910	0123456789
42	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT	Nh			6	5,6	5,8	0012345678910	0123456789
43	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT	Lh			6	5,8	5,9	0012345678910	0123456789
44	19154162	Son Minh Thuận	DH19OT	Sh			6	3,4	4,4	0012345678910	0123456789
45	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT	Nh			6	5,2	5,5	0012345678910	0123456789
46	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT	Hh			6,6	5,6	6	0012345678910	0123456789
47	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT	Nh			6,6	5,2	5,7	0012345678910	0123456789
48	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT	Nh			6	6,6	6,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02395

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Năng lượng mới trên ô tô(207753)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi

002_DH19OT_02

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi **29/07/2022**

Giờ Thi

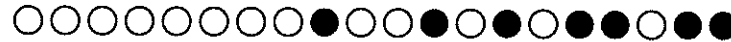
07:30

Phòng Thi

TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154170	Hoàng Ngọc Tình	DH19OT	Tình			6	5,8	5,9	0012345678910	0123456789
50	19154900	Nguyễn Huy Toàn	DH19OT	Toàn			6,6	5	5,6	0012345678910	0123456789
51	19154172	Nguyễn Tiến Triều	DH19OT	Tiến			7,7	5,8	6,6	0012345678910	0123456789
52	19154173	Trần Hải Triều	DH19OT	Hải			6,6	5,6	6	0012345678910	0123456789
53	19154174	Nguyễn Văn Triệu	DH19OT	Văn			6	5,4	5,6	0012345678910	0123456789
54	19154176	Nguyễn Lập Trường	DH19OT	Lập			6	4	4,8	0012345678910	0123456789
55	19154177	Nguyễn Nguyên Trường	DH19OT	Nguyên			5	5,4	5,2	0012345678910	0123456789
56	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT	Bá			5	4,4	4,6	0012345678910	0123456789
57	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT	Hữu			5	4	4,4	0012345678910	0123456789
58	19154182	Đoàn Phạm Thanh Tùng	DH19OT	Thanh			5	4,4	4,6	0012345678910	0123456789
59	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT	Lâm						0012345678910	0123456789
60	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT	Hồng			5	5,4	5,2	0012345678910	0123456789
61	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT	Hoàng			5,6	4,8	5,1	0012345678910	0123456789
62	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT	Quốc			6,7	6,4	6,5	0012345678910	0123456789
63	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT	Quốc			6,1	5	5,5	0012345678910	0123456789
64	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT	Ngọc			5	5	5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02395

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Năng lượng mới trên ô tô(207753)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi

002_DH19OT_02

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi **29/07/2022**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT				5	6	5,6	0012345678910	0123456789
66	19154197	Trần Thế Vỹ	DH19OT				5	5,6	5,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 65. Số sinh viên vắng 01.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Thị Hồng Diệp

Bùi Công Hành

Nguyễn Trịnh Nguyên

Nguyễn Trịnh Nguyên

Nguyễn Văn Khuyết

Ngày in : 20/06/2022



Mã nhận dạng 01575

Trang 1/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Chuyên đề tốt nghiệp 1 (207758) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT				6.5	7	6.8	0012345678910	0123456789
2	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT				8.3	7	7.5	0012345678910	0123456789
3	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT				8.3	7	7.5	0012345678910	0123456789
4	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT				6.5	5	5.6	0012345678910	0123456789
5	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
6	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT				6.5	7	6.8	0012345678910	0123456789
7	18154003	Trương Long Ân	DH18OT				6.5	7	6.8	0012345678910	0123456789
8	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
9	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT				8.3	7	7.5	0012345678910	0123456789
10	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT				8.3	7	7.5	0012345678910	0123456789
11	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT				6.5	7	6.8	0012345678910	0123456789
12	18154027	Đinh Quốc Dũng	DH18OT				6.5	5	5.6	0012345678910	0123456789
13	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT				6.5	7.5	7.1	0012345678910	0123456789
14	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT				6.5	6	6.2	0012345678910	0123456789
15	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT				6.5	5	5.6	0012345678910	0123456789
16	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT				8.3	5	6.3	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Chuyên đề tốt nghiệp 1 (207758) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT				6.5	5	5.6	0012345678910	0123456789
18	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT				6.5	6	6.2	0012345678910	0123456789
19	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT				8.3	8	8.1	0012345678910	023456789
20	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT				6.5	6	6.2	0012345678910	0123456789
21	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT				8.3	7	7.5	0012345678910	0123456789
22	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT				6.5	5	5.6	0012345678910	0123456789
23	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT							0012345678910	0123456789
24	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT				6.5	7	6.8	0012345678910	0123456789
25	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT				8.3	5	6.3	0012345678910	0123456789
26	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT				8.3	5	6.3	0012345678910	0123456789
27	18154047	Nguyễn Hữu Minh Huy	DH18OT				8.3	5	6.3	0012345678910	0123456789
28	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT				8.3	6	6.9	0012345678910	0123456789
29	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT				10	5	7	0012345678910	0123456789
30	18154042	Nguyễn Hữu Trọn Hưởng	DH18OT				8.3	6	6.9	0012345678910	0123456789
31	18154051	Đình Nhĩ Khang	DH18OT				8.3	5	6.3	0012345678910	0123456789
32	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT				8.3	5	6.3	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Chuyên đề tốt nghiệp 1 (207758) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT				8,3	6	6,9	0012345678910	0123456789
34	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT				8,3	5	6,3	0012345678910	0123456789
35	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT				6,5	5	5,6	0012345678910	0123456789
36	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT				8,3	7	7,5	0012345678910	0123456789
37	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT				8,3	5	6,3	0012345678910	0123456789
38	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT				6,5	7	6,8	0012345678910	0123456789
39	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT				6,5	6	6,2	0012345678910	0123456789
40	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT				6,5	5	5,6	0012345678910	0123456789
41	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT				6,5	5	5,6	0012345678910	0123456789
42	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT				6,5	7	6,8	0012345678910	0123456789
43	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT				6,5	7	6,8	0012345678910	0123456789
44	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT				6,5	6	6,2	0012345678910	0123456789
45	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT				8,3	6	6,9	0012345678910	0123456789
46	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT				6,5	6	6,2	0012345678910	0123456789
47	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT				6,5	6	6,2	0012345678910	0123456789
48	18154077	Nguyễn Thanh Nghiêm	DH18OT				6,5	5	5,6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Chuyên đề tốt nghiệp 1 (207758) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT				8,3	6	6,9	00012345678910	0123456789
50	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT				6,5	5	5,6	00012345678910	0123456789
51	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT				8,3	8	8,1	00012345678910	0123456789
52	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT				6,5	6	6,2	00012345678910	0123456789
53	17154066	Đinh Xuân Nhật	DH17OT				6,5	5	5,6	00012345678910	0123456789
54	18154089	Đoàn Minh Nhó	DH18OT				6,5	6	6,2	00012345678910	0123456789
55	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT				6,5	7	6,8	00012345678910	0123456789
56	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT				8,3	7	7,5	00012345678910	0123456789
57	18154096	Quách Thanh Phú	DH18OT				8,3	7	7,5	00012345678910	0123456789
58	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT				10	7	8,2	00012345678910	0123456789
59	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT				8,3	7	7,5	00012345678910	0123456789
60	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT				6,5	6	6,2	00012345678910	0123456789
61	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT				6,5	7	6,8	00012345678910	0123456789
62	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT				6,5	7	6,8	00012345678910	0123456789
63	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT				10	7	8,2	00012345678910	0123456789
64	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT				6,5	7	6,8	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01575

Trang 5/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Chuyên đề tốt nghiệp 1 (207758) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	18154105	Đinh Hoàng Sơn	DH18OT				65	7	6,8	0012345678910	0123456789
66	18154107	Nguyễn Hữu Sum	DH18OT				65	7	6,8	0012345678910	0123456789
67	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tào	DH18OT				65	7	6,8	0012345678910	0123456789
68	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT				65	7	6,8	0012345678910	0123456789
69	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT				65	8	7,4	0012345678910	0123456789
70	18154112	Trần Lê Phương Thái	DH18OT				65	8	7,4	0012345678910	0123456789
71	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT				65	8	7,4	0012345678910	0123456789
72	17154916	Tất Vĩnh Thành	DH17OT				65	7	6,8	0012345678910	0123456789
73	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT				65	8	7,4	0012345678910	0123456789
74	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT				65	8	7,4	0012345678910	0123456789
75	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT				65	8	7,4	0012345678910	0123456789
76	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT				65	7	6,8	0012345678910	0123456789
77	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT				65	7	6,8	0012345678910	0123456789
78	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT				65	6	6,2	0012345678910	0123456789
79	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT				65	8	7,4	0012345678910	0123456789
80	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT				65	8	7,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01575

Trang 6/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Chuyên đề tốt nghiệp 1 (207758) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
81	18154122	Hồ Văn Thuận	DH18OT				83	8	8,1	0012345678910	0123456789
82	18154123	Trương Văn Thục	DH18OT				65	7	6,8	0012345678910	0123456789
83	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT				65	7	6,8	0012345678910	0123456789
84	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT				83	7	7,5	0012345678910	0123456789
85	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT				65	7	6,8	0012345678910	0123456789
86	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT				83	7	7,5	0012345678910	0123456789
87	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT				65	7	6,8	0012345678910	0123456789
88	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT				83	7	7,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Chức năng của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Nguyên

Nguyễn Văn Nguyên

Nguyễn Văn Nguyên